

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PX
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi người con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PX, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Hồ Lâm Phúc.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh- Thư ký Tòa án Nhân dân quận PX, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận PX, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân quận PX, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai, trực tiếp vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST- HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi người con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 2002.

Căn cước công dân số: 046302007309, cấp ngày 31/01/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi thường trú: Thôn Thanh Trung, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Phước Th, sinh năm 1996.

Căn cước công dân số: 046096010242, cấp ngày 12/10/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi thường trú: Kiệt 35 đường Trần Quý Khoáng, tổ dân phố 08, phường An Hòa, quận PX, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Ngô Phước Th quen biết, tìm hiểu một thời gian thì tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương; tiến hành đăng ký kết hôn ngày 11/12/2023 tại Ủy ban Nhân dân phường An Hòa, thành phố H, tỉnh TTH. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà cha mẹ anh Ngô Phước Th, sinh sống hạnh phúc; ai cũng có công việc ổn định, sinh được 01 người

con chung tên Ngô Hải Đ. Tuy nhiên, quá trình chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh Ngô Phước Th ham chơi cờ bạc, mỗi lần nhậu say về đánh đập, xúc phạm chị Trần Thị Th; gia đình khuyên bảo và hứa thay đổi, nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân thì anh Ngô Phước Th nhắn tin xúc phạm chị Trần Thị Th cũng gia đình; xem chị Trần Thị Th như người đã chết. Vì vậy, chị Trần Thị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngô Phước Th.

- Về người con chung: Chị Trần Thị Th và anh Ngô Phước Th có 01 người con chung tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 11/01/2024. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh Ngô Phước Th đưa người con chung về sinh sống cho đến nay hơn 1 năm. Sau khi ly hôn chị Trần Thị Th vì hoàn cảnh kinh tế, người con chung sống với anh Ngô Phước Th cùng với gia đình nhà nội đã quen thuộc nên chị Trần Thị Th tiếp tục giao người con chung cho anh Ngô Phước Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; chị Trần Thị Th cấp dưỡng nuôi người con chung một tháng 1.000.000đ cho đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Chị Trần Thị Th xác nhận vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Ngô Phước Th không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân quận PX, thành phố H phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, chị Trần Thị Th thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh Ngô Phước Th không đến Tòa án làm việc là vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao; Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th; chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Ngô Phước Th.

- Về người con chung: Giao người con chung tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 11/01/2024 cho anh Ngô Phước Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị Trần Thị Th có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung một tháng 1.000.000đ kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi người con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Trần Thị Th khởi kiện anh Ngô Phước Th cư trú tại phường An Hòa, quận PX, thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận PX, thành phố H.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai anh Ngô Phước Th được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Ngô Phước Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Ngô Phước Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/12/2023 tại Ủy ban Nhân dân phường An Hòa, quận PX, thành phố H nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Tuy nhiên, sau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống; anh Ngô Phước Th có hành vi xúc phạm đối với chị Trần Thị Th; vợ chồng tuy đủ tuổi kết hôn, nhưng trước và sau khi kết hôn công việc, thu nhập không ổn định; sau khi kết hôn chị Trần Thị Th mang thai rồi sinh con không đi làm được, tác động trực tiếp đến cuộc sống kinh tế vợ chồng, làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, dẫn đến phải sống ly thân không thể đoàn tụ được. Hiện nay đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Ngô Phước Th theo quy định tại khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

[2.2] Về người con chung: Chị Trần Thị Th và anh Ngô Phước Th có 01 người con chung tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 11/01/2024. Hiện nay người con chung dưới 36 tháng tuổi đang sống ổn định cùng với anh Ngô Phước Th và người thân thích; chị Trần Thị Th muốn anh Ngô Phước Th trực tiếp nuôi người con chung nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho anh Ngô Phước Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; chị Trần Thị Th đồng ý đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung một tháng 1.000.000đ kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến tuổi trưởng thành theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các khoản 1, 2 Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Nghĩa vụ tài sản chung: Chị Trần Thị Th xác nhận không vay nợ ai; không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi người con chung.

[3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Các khoản 2, 3 Điều 4; Các khoản 1, 2 Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Ngô Phước Th.

2. Về người con chung: Giao người con chung tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 11/01/2024 cho anh Ngô Phước Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị Trần Thị Th có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung một tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi người con chung) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi người con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

0001095 ngày 02/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận PX, thành phố H. Chị Trần Thị Th còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Ngô Phước Th vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPH;
- VKSND quận PX;
- Chi cục THADS quận PX;
- UBND phường An Hoà, quận PX;
- (Đăng ký kết hôn ngày 11/12/2023)
- Dương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ly

